

NGUYỄN VĂN TƯỜNG VỚI NỀN NGOẠI GIAO VIỆT NAM DƯỚI TRIỀU NGUYỄN NỬA SAU THẾ KỶ XIX

NGUYEN VAN TUONG WITH VIETNAM'DIPLOMACY UNDER NGUYEN DYNASTY IN THE
SECOND HALF OF THE NINETEENTH CENTURY

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

TÓM TẮT

Nguyễn Văn Tường là một trong số những nhân vật lịch sử nổi bật nhất của dân tộc ta vào nửa sau thế kỷ XIX. Dù cuộc đời phải chịu chung bi kịch với cả dân tộc trong bối cảnh lịch sử đầy sóng gió nhưng những đóng góp trên lĩnh vực chính trị, ngoại giao của ông lúc bấy giờ vẫn sống mãi với thời gian, gieo vào lòng người bao nỗi ám ảnh khôn nguôi.

Từ khóa: Nguyễn Văn Tường; dân tộc; ngoại giao; lịch sử; chính trị.

ABSTRACT

Referring to Nguyen Van Tuong, we mention one of the most prominent historical figures of Vietnam in the second half of the nineteenth century. Although his life suffers the tragedy with his nation in the context of turbulent history at the time, his contributions in the field of politics, diplomacy still lives with time and instilled in our heart a constant obsession.

Key words: Nguyen Van Tuong; nation; diplomacy; history; politics.

1. Mở đầu

Chiến đấu ở mặt trận gươm đao súng đạn, đấu tranh đến cùng trên mặt trận ngoại giao và trên trường chính trị... tất cả đều khởi phát từ trái tim nồng nàn yêu nước, thương dân và lòng căm thù giặc sâu sắc. Đó là những cảm nhận chung của mỗi chúng ta khi tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Văn Tường - một trong số những nhân vật lịch sử nổi bật nhất của dân tộc vào nửa sau thế kỷ XIX.

2. Nội dung

Nguyễn Văn Tường sinh năm 1824 ở An Cựu, Đàng Xương (Quảng Trị) và mất vào năm 1886. Suốt hơn 60 năm ấy, ông sống và làm việc qua những giai đoạn chên vênh nhất của lịch sử nước nhà. Sinh ra dưới thời Minh Mạng, ông thi đậu cử nhân dưới thời Tự Đức (1850). Từ đây, Nguyễn Văn Tường bắt đầu tham gia chính trường suốt 35 năm với một hoạn lộ đầy sóng gió. Khởi đầu sự nghiệp quan trường trong vai trò tập sự ở các Bộ, ông dần được nhận một chức trong bộ Hình. Tiếp đó, sau một thời gian được cử đi làm việc ở các tỉnh, ông lại trở về triều đình giữ chức Biện lý bộ Binh, sau đó là Phủ

doãn phủ Thừa Thiên. Trong các năm 1864, 1866, cuộc chính biến của Hồng Tập và Đoàn Trung diễn ra, ông bị giáng chức, sai đi làm lính ở Bắc Kỳ trong suốt 7 năm trời. Đến năm 1873, bằng tài năng của mình, Nguyễn Văn Tường tiếp tục được tiến cử giữ chức Thương Bạc đại thần. Chính từ sự kiện này, trên cương vị của một trọng thần, ông có dịp phát huy tối đa trí tuệ tinh thông và đặc biệt là lợi thế ngôn từ, biến nó thành vũ khí lợi hại để đối phó với những âm mưu cùng thủ đoạn nham hiểm của kẻ thù, kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ ngoại giao trọng đại mà triều đình bấy giờ giao phó.

Với Nguyễn Văn Tường, để có thể đương đầu và tự tin giao thiệp với một kẻ thù ngoại bang hùng mạnh như thực dân Pháp thì trước hết phải tìm hiểu rõ bản chất của chúng. Hơn ai hết, bằng trí thông minh, tinh nhạy của mình, Nguyễn Văn Tường đã nhận thức rất rõ dã tâm của kẻ thù thực dân và không hề mảy may tin vào các hiệp ước mà triều đình đã kí với chúng. Bởi thế ông từng gọi chúng là “cọc đối, ung đối chẳng chịu bỏ miếng mỡ ngon” và khẳng định đanh thép rằng: Thực dân Pháp với bản chất hiếu chiến, tham lam sẽ không bao giờ

dừng lại ở việc chiếm các tỉnh Nam Kỳ rồi buộc ta ký hiệp ước mà chúng sẽ tiếp tục xâm lược và ngang nhiên vi phạm hiệp ước:

“Người Pháp kia đã chiến thắng ta, việc đánh giữ khổ biết bao, mà vẫn đòi ta cùng thề, bởi vì nó từ trùng dương mà tới, chễm chệ ở đất ta, bên trong thì sĩ dân ta chống lại, bên ngoài thì các nước vây quanh dòm ngó, ăn ngủ sao yên, cho nên ắt phải đòi ta ký hòa ước, để khiến ta phải chịu đè nén, lấp đường công luận của các nước, mà cô lập tình trông mong của sĩ dân ta, tiện cho nó từ từ xử trí. Điều đó là sự khu xử xảo hoạt của nó. Nếu không thế, sao năm trước hòa ước phân minh, mà nay khó hoàn toàn cho hư văn, lại còn đòi sửa lại” [2].

Nhận thức rõ dã tâm ấy của kẻ thù, hơn ai hết ông hiểu rằng: muốn ngoại giao trên thế mạnh với Pháp, chúng ta phải có nội lực: “Cốt yếu ở chỗ ta phải có thể không thể xâm phạm, sau đó mới có thể lấy lễ không thể dung tha được để trách người” [2]. Và theo ông, muốn có nội lực phải chấn hưng đất nước, mà trong đó vấn đề con người hay nhân sự chính là chìa khóa để canh tân, phải được đặt lên hàng đầu. Về điều này, ông đã từng nói: “Người nước Thanh, nước Tây họ đâu phải tất cả đều siêu việt, chỉ có họ lấy cái thực mà đối với cái hư, thì mạnh yếu phân rõ. Sau này việc giao thiệp càng phiền toái, trách nhiệm về bờ cõi càng nặng. Thế cho nên đảm đương công tác rất gấp mà chưa lấy việc sửa đổi từ bên trong làm đầu... thì cũng không đâu vào đâu vậy” [2]. Những lời tâm huyết ấy của bậc đại thần tài năng như Nguyễn Văn Tường ắt hẳn đã tác động không nhỏ đến đường hướng, quyết sách nội trị của vua Tự Đức lúc bấy giờ.

Không chỉ trăn trở làm sao canh tân, chấn hưng đất nước, trong suốt những năm tháng trên chính trường, ông không ngừng áp ủ chí nguyện khôi phục lại những vùng đất mà triều Nguyễn để rơi vào tay Pháp và cố gắng bảo toàn phần còn lại của đất nước trước tham vọng thực dân. Để đạt được điều đó, ông không quản ngại gian lao, thử thách và đã không ít lần dũng cảm đón nhận trọng trách to lớn trong việc giao thiệp,

thương lượng với những tên thực dân đầu sỏ.

Bảy giờ, vào năm 1872, viên đại úy Gác-ni-ê được lệnh đem quân ra Bắc cùng với Duy-Puy nhằm hoạch định kế hoạch mở rộng việc thông thương với bên ngoài. Đặt chân tới Hà Nội, y đã tự tiện làm những việc sai với hòa ước đã ký, rồi đột ngột tấn công thành, khiến quan giữ thành Nguyễn Tri Phương hy sinh. Từ đây, Gác-ni-ê chiếm thành Hà Nội và tiến quân chiếm luôn các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Hải Dương. Ngay sau đó, triều đình Huế phản kháng với soái phủ Sài Gòn và bản thân Bộ chỉ huy Pháp cũng rất ngại vì chủ trương đánh Bắc Kỳ trên thực tế chưa được chính phủ Pari đồng ý. Tin tưởng vào khả năng của Nguyễn Văn Tường, vua Tự Đức đã cất cử ông dần xếp cho ổn thỏa với đại diện Pháp là Phi-lát và điều đình với Pháp về Hiệp ước còn dang dở. Quả nhiên, Nguyễn Văn Tường đã không phụ sự ủy thác đó. Theo dõi cuộc thương thuyết giữa Nguyễn Văn Tường và Phi-lát lúc bấy giờ chúng ta mới thấy hết tài thương thuyết tuyệt vời của ông:

“...Cả hai gặp nhau ở Cửa Cẩm (Hải Phòng), soạn sửa lên tàu thủy về Hà Nội. Đúng lúc ấy thì có tin báo quân ta đã phản công, có Lưu Vĩnh Phúc là tướng Cờ đen về giúp, giết chết Gác-ni-ê. Tình hình trở nên gay gắt. Phi-lát đập bàn, bảo Nguyễn Văn Tường:

- Như thế này thì không được. Các ông giết Gác-ni-ê của chúng tôi, không bàn bạc thương lượng gì nữa. Tôi phải quay về Sài Gòn báo cáo với bộ chỉ huy Pháp.

Nguyễn Văn Tường mỉm cười bảo Phi-lát:

- Xin ông bình tĩnh. Việc đánh Hà Nội không phải là chủ trương của quân Pháp, mà bên chúng tôi cũng không khiêu khích tranh giành. Việc xảy ra là do hiểu nhầm lẫn nhau chẳng. Chúng ta đều theo lệnh trên, đi xem xét tình hình để ký hòa ước, đó là điều hệ trọng phải hoàn thành. Còn ông Gác-ni-ê bị quân lính giết thì cũng như ông Nguyễn Tri Phương bị ông Gác-ni-ê giết. Chúng ta không phải chịu trách nhiệm. Chỉ nghe tin mà bỏ dở việc lớn hóa ra uổng công ta, ông ạ.

Nghe Nguyễn Văn Tường nói đầu ra đây, Phi-lát đồng ý về Hà Nội, nhưng lại muốn chuyển sang tàu khác, còn chiếc tàu đang đi thì cho trở lại Sài Gòn để báo tin cho Bộ chỉ huy. Nguyễn Văn Tường lại cười:

- Tôi nghĩ là không nên đổi tàu, ông ạ. Tàu này của ta đã đi đến Cửa Cấm, nếu cho quay ra, kẻ không biết tình hình sẽ đoán định lung tung lấy cớ dễ dàng gây loạn. Ta cứ đi tàu này vào Hải Phòng, lên Hải Dương xem xét rồi lên Hà Nội mới hay.

Phi-lát thấy có lý nên đành chấp nhận điều ông Tường đưa ra. Hai người lên Hải Dương, Nguyễn Văn Tường bảo Phi-lát:

- Hải Dương lâu nay yên ổn, tự nhiên lại có sự lồi thối, lại nhiều quân Pháp lên đóng gây ra lắm chuyện nghi ngờ. Ngài nên cho trả lại thành trì để quan lại và dân chúng khỏi hoang mang mà tin vào sự độ lượng của quân Pháp. Không kể gì hay hơn thế.

Phi-lát nghĩ điều này cũng hợp ý chính phủ Pháp ở Pari nên thuận theo ông Tường. Tới Hà Nội, Phi-lát nhận thấy mọi chuyện rắc rối là do Gác-ni-ê và Đuy-puy chủ trương gây ra. Ông ta tuyên bố trả lại tất cả 4 tỉnh Pháp vừa chiếm cho ta, rút toàn bộ quân Pháp ra Hải Phòng” [3; tr.237 - 238].

Vậy là bằng trí thông minh của mình, Nguyễn Văn Tường đã tinh nhạy nhắm vào điểm yếu của kẻ thù và đưa ra những lập luận sắc sảo mà rất đỗi kín kẽ, mềm mỏng khiến cho Phi-lát từng bước hành động theo sự chỉ dẫn của ông. Kết quả là, Nguyễn Văn Tường đã đòi lại được 4 tỉnh đã mất từ tay Gác-ni-ê và Đuy-puy bằng chính con đường hòa bình, thương thuyết.

Đến đầu năm sau (1874), Nguyễn Văn Tường tiếp tục cùng Phi-lát vào Sài Gòn thương thuyết. Trong cuộc thương thuyết này, một lần nữa Nguyễn Văn Tường bằng phương thức ngoại giao kiên quyết mà rất mềm mỏng đã không ngừng đấu tranh giành quyền lợi cho dân tộc. Mặc dù bản thân Nguyễn Văn Tường không thể làm lay chuyển được toàn bộ tình hình, khiến cho thực dân Pháp từ bỏ tham vọng của mình, song những nỗ lực không ngừng của ông đã góp

phần không nhỏ mang lại những quyền lợi nhất định cho vương triều Nguyễn. Và điều khoản 20 trong Hòa ước năm 1874 là một minh chứng điển hình cho những nỗ lực ngoại giao của ông. Điều khoản ghi rõ: “Vua nước Nam được quyền đặt sứ thần ở Pari và Sài Gòn”. Rồi nhận thấy việc đặt lãnh sự ở Gia Định là việc làm cần thiết để chủ động giao thiệp với phương Tây, Nguyễn Văn Tường đã không ngần ngại đề đạt với vua Tự Đức chọn người giữ vai trò Khâm phái kiêm lãnh sự Việt Nam tại Gia Định. Về điều này sách *Đại Nam Thực Lục* đã ghi lại rất rõ:

“Nguyễn Văn Tường (tháng 9 năm 1874 là Thượng thư bộ Hình, đến tháng 6 năm 1875 được cử làm Thượng thư bộ Hộ kiêm Thương Bạc đại thần (coi việc ngoại giao và ngoại thương) tâu nói: Khâm sứ và lãnh sự cùng đặt với nhau (khoản 1 của hòa ước trước, ta đặt Khâm sứ ở kinh đô Pháp, đặt lãnh sự ở Gia Định, nước Pháp cũng có Khâm sứ là lãnh sự ở kinh đô nước ta) là để bàn việc công, thông tình hiếu. Nhưng xem các nước Tây phiên đi lại hòa hợp, tiếng nói chữ viết cùng thông, lại có điện báo để thông tin tức, nếu ta giao thiệp với nước ấy, chỉ đưa vào giấy tờ, một khi phiên dịch sai đi, lại sinh không hợp, thì đặt Khâm sứ ở kinh đô nước Pháp không có ích gì. Nếu đặt lãnh sự ở Gia Định là xem Gia Định ngang hàng với kinh đô, chưa là thỏa đáng. Hoặc chỉ đặt lãnh sự thì phẩm trật danh vọng thấp kém, theo tục nước Tây không được dự bàn việc công nghị, đặt một viên Khâm phái kiêm Lãnh sự ở Gia Định, lại đặt thêm một viên Phó lãnh sự giúp ủy làm việc. Thần trước phụng mạng đi sứ đã thông thương với tướng ấy (Dupré) ý hợp, nếu được chuẩn cho xin giao cho đình thần dự chọn và nghĩ làm công việc. Vua theo lời” [5; tr.106 - 107].

Kết quả là Nguyễn Thành Ý đã được chọn làm lãnh sự đầu tiên trong lịch sử ngoại giao Việt Nam. Trên thực tế, sự có mặt của lãnh sự kiêm Khâm phái Nguyễn Thành Ý tại Gia Định với cách giao thiệp nhã nhặn, khôn khéo đã một mặt khiến cho người Pháp phải kiêng nể, mặt khác quy tụ được lòng trung nghĩa của sĩ phu hướng về kinh đô. Vậy là mục đích của

Nguyễn Văn Tường đề ra đã đạt được về cơ bản.

Nhận thấy năng lực ngoại giao nổi bật của Nguyễn Văn Tường, tháng 7 năm 1875, Tự Đức đã tin nhiệm giao cho ông giữ chức Thượng Thư bộ Hộ, tiếp tục sung chức Đại thần Viện Cơ mật và đặc biệt là quản lý Viện Thương Bạc - một cơ quan chuyên giữ nhiệm vụ giao thiệp giữa các đại diện của Pháp và Nam triều lúc bấy giờ. Tiếp xúc thường xuyên với người Pháp, ông luôn luôn nêu cao lợi ích quốc gia và tận dụng mọi cơ hội có thể để đấu tranh giành quyền lợi cho dân tộc. Chính lập trường “chống Pháp” ấy của Nguyễn Văn Tường đã khiến cho ông trở thành cái gai trong mắt của thực dân Pháp và chúng đã tìm cách đẩy ông ra khỏi chức vụ quản lý Viện Thương Bạc. Dù không còn giữ trọng trách ấy trên nguyên tắc từ tháng 1 năm 1881, song trên thực tế, ông vẫn tiếp tục gánh vác những trọng trách ngoại giao quan trọng mà vua Tự Đức đã tin nhiệm giao phó.

Vào đầu năm 1882, Nguyễn Văn Tường thay mặt vua Tự Đức bí mật bàn bạc với sứ giả Trung Hoa là Dương Đình Canh khi ông này đặt chân đến Huế. Chính trong cuộc hội đàm này, ông đã thẳng thắn vạch trần âm mưu của thực dân Pháp và mạnh dạn đề đạt ý định của Nam triều muốn đặt lãnh sự ở Quảng Đông cũng như muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước lớn trên thế giới [6; tr.89 - 91]. Điều này minh chứng cho chúng ta thấy nhân quan ngoại giao sáng suốt, thức thời của Nguyễn Văn Tường. Rõ ràng ông hiểu rất rõ: Muốn đương đầu với kẻ thù hùng mạnh như thực dân Pháp, một mặt phải dựa vào nội lực của chính mình, nhưng mặt khác phải biết hợp lực với thế giới bên ngoài để tranh thủ tối đa sức mạnh từ nhiều phía. Quả thật đây là một nhân quan ngoại giao rộng mở rất đổi hiếm thấy trong hoàn cảnh lịch sử nước ta lúc bấy giờ!

Không dừng lại ở đó, sau cái chết của vua Tự Đức, trước thế nước gian nguy, Nguyễn Văn Tường càng dốc lòng mình đấu tranh ngoại giao đến cùng với thực dân Pháp để bảo vệ thanh thế dân tộc. Chúng ta có thể thấy được quyết tâm của ông trong cuộc thương thuyết với Pa-tơ-nôt và Rê-nát tại Huế vào cuối tháng 5 đầu tháng 6 năm

1884 nhằm sửa đổi những điều khoản quá nặng trong Hiệp ước Quý Mùi (1883) mà Nam triều đã kí với Hác-măng. Bấy giờ: “Bên phía Nam triều còn có mấy đại thần khác tham dự hội đàm nhưng thực sự mọi việc đều do Nguyễn Văn Tường định đoạt. Ý của Tường là kéo dài cuộc bàn cãi để tỏ ra nhượng bộ đều là những điều bất đắc dĩ. Đầu tiên, *Tường đòi đổi tiếng Bảo Hộ (ra Bảo trợ)*, cho rằng tiếng đó quá nặng, vì chế độ Pháp ở Cao Miên là Bảo Hộ, và Tường không muốn cho Việt Nam đứng ngang hàng với Cao Miên” [4; tr.144]. Ngoài ra ông còn “*nặng nặc yêu cầu chữ “protectorat” phải được dịch ra là “bang trợ” hoặc “bảo trợ” (aide), chứ không dịch là “bảo hộ”*”, một từ đã bị Hác-măng áp đặt...” [1; tr.81]. Rõ ràng, vì lợi ích dân tộc, Nguyễn Văn Tường đã không ngần ngại kiên quyết “tranh đấu” với đối phương từng câu từng chữ quan trọng trong bản hòa ước để cốt làm sao bảo vệ được thanh thế, danh dự quốc gia mình.

Và cũng chính tấm lòng yêu nước thiết tha, quyết tâm bảo vệ đến cùng non sông xã tắc ấy đã thôi thúc ông đến với kế hoạch tập kích quân Pháp đêm ngày 7/7/1885 ở kinh thành Huế. Sau cuộc tập kích không thành, trong khi Tôn Thất Thuyết phải bỏ kinh thành đưa vua Hàm Nghi ra vùng kháng chiến để phát động “phong trào Cần Vương”, thì Nguyễn Văn Tường theo lệnh của thái hậu Từ Dũ ở lại Huế để tiếp tục đấu tranh ngoại giao nhằm hạn chế những tổn thất sau cuộc chiến mà kẻ địch đã hoàn toàn thắng thế [9; tr.221]. Chính Nguyễn Văn Tường trong bản tấu gửi Tam cung (lúc đó ở Quảng Trị) cũng đã nêu rất rõ lý do và sứ mạng của mình: “Huống chi ở kinh thành, miếu điện, lịch đại sơn lăng, một buổi bỏ đi như không, lòng thần tử chịu sao được sự chua xót nên thần phải tuân theo sắc văn, đem thân lẫn lộn nơi đây, cùng với quan Pháp đi lại, vì bản tâm của thần, nguyện cùng xã tắc mất còn, không dám lừa bỏ vậy” [8; tr.224]. Đặt trong bối cảnh lịch sử khi kẻ thù đang giành thắng thế và chưa người con giận sau vụ tấn công của quan quân triều Nguyễn đem mông 4 rạng sáng mông 5 tháng 7 thì chúng ta mới thấy hết trọng trách vô cùng nặng nề và tinh thần dũng cảm tuyệt vời, dám đón nhận mọi gian

nguy của nhà ngoại giao Nguyễn Văn Tường. Song đáng tiếc thay, cuối cùng ông đã không tránh khỏi bi kịch chung của cả dân tộc: bị Pháp bắt đi đày ở Côn Đảo, rồi sang Tahiti (thuộc địa Pháp) và qua đời tại đất khách quê người (1886).

3. Kết luận

Dù phải chịu chung bi kịch của cả dân tộc trong bối cảnh lịch sử đầy sóng gió như thế,

nhưng đúng như nhận định của giáo sư người Nhật Tsuboi thì tài thương thuyết, sự thông minh, khéo léo và lòng kiên nhẫn, bình tĩnh đến tuyệt vời của Nguyễn Văn Tường trên mặt trận ngoại giao đương thời khiến cho ông xứng đáng được xếp vào hàng những nhân vật quốc gia mới lúc bấy giờ [9; tr.265-271].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Thế Anh (1992), *Monarchie et fait colonial au Viet Nam*, Editions l'Harmattan, Paris.
- [2] Đỗ Bang (chủ biên) (2007), *Nguyễn Văn Tường (1824 - 1886) - cuộc đời và lời giải*, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội.
- [3] Phạm Minh Thảo (biên soạn) (2007), *Hoa sen trong giếng ngọc*, NXB Văn hóa Thông tin.
- [4] Nguyễn Phương (1963), *82 năm Việt sử 1802-1884*, NXB Đại học Sư phạm Huế.
- [5] Quốc sử quán triều Nguyễn (1975), *Đại Nam thực lục*, tập XXXIII, NXB Khoa học xã hội.
- [6] Quốc sử quán triều Nguyễn (1976), *Đại Nam thực lục*, tập XXXV, NXB Khoa học xã hội.
- [7] Quốc sử quán triều Nguyễn (1977), *Đại Nam thực lục*, tập XXXVI, NXB Khoa học xã hội.
- [8] Quốc sử quán triều Nguyễn (1977), *Đại Nam thực lục*, tập XXXVII, NXB Khoa học xã hội.
- [9] Tsuboi (1990), *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa: 1847-1885*, bản dịch của Nguyễn Đình Đầu và các cộng tác viên, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.